|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  **DỰ THẢO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Phụ lục số 01**

**QUY ĐỊNH PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%)**

**PHÂN CHIA NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI CÁC CẤP**

**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2022-2025**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND*

*ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**CHƯƠNG I**

**NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**

**A. Nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu ngân sách cấp tỉnh**

**I. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%**

1. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

2. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

5. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.

6. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

7. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp tỉnh quản lý, trường hợp khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Lệ phí do cấp tỉnh quản lý thu.

9. Thu xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện.

10. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý.

11. Thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương.

12. Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài (không kể thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài từ hoạt động dầu, khí).

13. Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

14. Thu tiền nộp ngân sách nhà nước (m3) phần ngân sách địa phương được hưởng khi đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

15. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

16. Thu từ huy động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 5, khoản 6, Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước.

17. Thu kết dư ngân sách tỉnh.

18. Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang.

19. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ Trung ương.

20. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý, sử dụng đất đai và thu ngân sách cấp dưới nộp lên).

**II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách huyện, thành phố, thị xã (gọi tắt là ngân sách cấp huyện) và ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi tắt là ngân sách cấp xã)**

1. Lệ phí trước bạ.

2. Lệ phí môn bài.

3. Thuế giá trị gia tăng hàng hóa sản xuất trong nước.

4. Thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Thuế thu nhập cá nhân;

6. Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa sản xuất trong nước (phần ngân sách địa phương được hưởng);

7. Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

8. Thuế bảo vệ môi trường (phần ngân sách địa phương được hưởng);

9. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng.

10. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

11. Thu từ bán tài sản nhà nước (không bao gồm tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất) do cấp tỉnh quản lý.

12. Tiền sử dụng đất (trừ tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý).

*(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)*

**B. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh**

**I. Chi đầu tư phát triển**

1. Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp tỉnh quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại mục II, phần B, Chương I của quy định này.

2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

**II. Chi thường xuyên**

1. Chi quản lý hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan đảng; hội đoàn thể; các tổ chức chính trị xã hội; sự nghiệp xã hội, sự nghiệp khác.

2. Chi sự nghiệp giáo dục.

3. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề.

4. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình.

5. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.

6. Chi quốc phòng, an ninh.

7. Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch.

8. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin truyền thông.

9. Chi bảo đảm xã hội.

10. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường.

11. Chi hoạt động kinh tế do cấp tỉnh quản lý:

a) Hoạt động duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông;

b) Hoạt động bảo vệ, nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn;

c) Hoạt động quản lý sử dụng, khai thác đất đai; tài nguyên; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; biển và hải đảo;

d) Hoạt động phân giới cắm mốc biên giới; điều tra cơ bản; quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia;

đ) Các sự nghiệp kinh tế khác.

13. Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

14. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

**III. Chi trả nợ gốc, trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do cấp tỉnh vay.**

**IV. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính.**

**V. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.**

**VI. Chi thực hiện các đề án, chế độ, chính sách theo quy định.**

**VII. Các chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho cấp tỉnh quản lý; chi đối ứng các dự án, chương trình mục tiêu.**

**VIII. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh.**

**IX. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.**

**X. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại khoản 9, Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước.**

**Chương II**

**NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ**

**A.** **Nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu ngân sách cấp huyện**

**I. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%**

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp huyện quản lý, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Lệ phí do cấp huyện quản lý thu.

3. Thu xử phạt hành vi phạm chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý.

4. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các cá nhân khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật.

5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

6. Thu từ bán tài sản nhà nước (không bao gồm tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất) do cấp huyện quản lý.

7. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước.

8. Thu chuyển nguồn của ngân sách huyện từ năm trước chuyển sang.

9. Thu kết dư ngân sách cấp huyện.

10. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.

11. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây ra thiệt hại trong quản lý, sử dụng đất đai và thu ngân sách cấp dưới nộp lên).

**II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp huyện và các cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại mục II phần A, Chương I của quy định này.**

**B. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện**

**I. Chi đầu tư phát triển**

1. Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp huyện quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại mục II, phần B, Chương II của quy định này.

2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Đầu tư xây dựng các trường mầm non và phổ thông công lập thuộc cấp huyện quản lý, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

4. Chi đối ứng các chương trình, dự án theo quy định.

5. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

**II. Chi thường xuyên**

1. Chi quản lý hành chính cấp huyện.

2. Chi sự nghiệp giáo dục.

3. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề.

4. Chi sự nghiệp văn hóa - thể thao và truyền thông.

5. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình.

6. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội.

7. Chi an ninh.

8. Chi quốc phòng.

9. Chi sự nghiệp kinh tế.

10. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường.

11. Chi hoạt động kinh tế do cấp huyện quản lý:

a) Hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông;

b) Hoạt động bảo vệ, nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn;

c) Hoạt động quản lý sử dụng, khai thác đất đai; tài nguyên; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; biển và hải đảo;

d) Hoạt động phân giới cắm mốc biên giới; điều tra cơ bản; quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia;

đ) Hoạt động sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

e) Các sự nghiệp kinh tế khác.

12. Hỗ trợ hoạt động cho các Hội xã hội, hội nghề nghiệp cấp huyện theo quy định của pháp luật.

13. Các khoản chi khác theo phân cấp của tỉnh.

14. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

15. Chi thực hiện các đề án, chế độ, chính sách theo quy định.

16. Chi đối ứng các chương trình, dự án theo quy định.

17. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

18. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

19. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

20. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại khoản 9, Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước.

**Chương III**

**NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**A. Nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu ngân sách cấp xã**

**I. Các khoản thu được hưởng 100%**

1. Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã quản lý, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Lệ phí do cấp xã quản lý thu.

5. Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

6. Thu xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác trong các lĩnh vực do cấp xã quản lý.

7. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các cá nhân khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã theo quy định của pháp luật.

8. Thu từ bán tài sản nhà nước (không bao gồm tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất) do cấp xã quản lý.

9. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

10. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang.

11. Thu kết dư ngân sách cấp xã.

12. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

13. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý, sử dụng đất đai).

**II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp xã với các cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại mục II, phần A, Chương I của quy định này.**

**B. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã**

**I. Chi đầu tư phát triển**

1. Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp xã quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại mục II, phần B, Chương III của quy định này.

2. Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của cấp xã từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

3. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

**II. Chi thường xuyên**

1. Chi quản lý hành chính cấp xã.

2. Đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ và các đối tượng khác theo chế độ quy định.

3. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội:

a) Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp thuộc huy động dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

b) Chi thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

c) Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã;

d) Các khoản chi khác theo chế độ quy định.

4. Chi đảm bảo xã hội:

a) Chi thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo quy định;

b) Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Người nghèo, Cựu chiến binh, Thanh niên xung phong, Dân quân du kích, Bảo trợ xã hội...;

c) Chi trợ cấp cho các đối tượng Thanh niên xung phong, cán bộ lão thành cách mạng;

d) Chi thực hiện đề án, chế độ, chính sách theo quy định.

đ) Các khoản chi khác theo chế độ quy định.

5. Chi hoạt động của Hội người mù, Hội cao tuổi, Hội chữ thập đỏ.

6. Chi hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh do cấp xã quản lý.

7. Chi hỗ trợ hoạt động y tế, giáo dục ở cấp xã.

8. Chi sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý như: trường học, trạm y tế, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà văn hóa, thư viện, đài tưởng niệm, cơ sở thể dục thể thao, cầu đường giao thông, công trình cấp thoát nước công cộng.

9. Chi hỗ trợ khuyến khích phát triển các sự nghiệp kinh tế như: Khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm, khuyến diêm, khuyến công và sự nghiệp kinh tế khác theo chế độ quy định.

10. Chi kiến thiết thị chính.

11. Chi đối ứng các chương trình, dự án theo quy định.

12. Chi chuyển nguồn sang năm sau.

13. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

14. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

15. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại khoản 9, Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**